

KIỂU TÍNH CÁCH VĂN HOÁ TÂY NAM BỘ QUA “HƯƠNG RỪNG CÀ MAU” CỦA SƠN NAM

Trần Duy Khương⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày nhận bài 20/12/2020; Ngày gửi phản biện 22/12/2020; Chấp nhận đăng 30/01/2021

Liên hệ email: khuongtd@tdmu.edu.vn

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2021.01.165>

Tóm tắt

Nghiên cứu liên ngành là xu hướng chủ đạo trong thời gian hiện nay. Nghiên cứu đặc trưng văn hoá qua tác phẩm văn học cũng theo xu hướng đó. Bài viết tìm hiểu những đặc trưng về tính cách văn hoá thể hiện qua tác phẩm văn học điển hình. Dựa trên hệ thống tính cách người Việt vùng Tây Nam Bộ do Trần Ngọc Thêm xác định bằng lí thuyết loại hình văn hoá, bài viết xem xét biểu hiện của kiểu tính cách văn hoá này qua tác phẩm “Hương rừng Cà Mau” của Sơn Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tác phẩm văn học này đã phản ánh rất chi tiết về những đặc trưng tính cách văn hoá chủ đạo của con người vùng Tây Nam Bộ: Tính sông nước, tính trọng nghĩa, tính bộc trực, tính bao dung, tính thiết thực, tính mở thoáng. Kết quả nghiên cứu này góp phần gợi mở thêm cho việc phân tích các tác phẩm văn học theo hướng liên ngành, đặc biệt là với ngành Văn hoá học.

Từ khoá: “Hương rừng Cà Mau”, kiểu tính cách văn hoá, liên ngành, Sơn Nam, Tây Nam Bộ.

Abstract

CULTURAL CHARACTERISTIC TYPE OF SOUTHWEST OF VIETNAM THROUGH “HUONG RUNG CA MAU” OF SON NAM

Interdisciplinary research is a primary trend in the present time. Cultural featured research via literature is that follows this trend. The article surveys the cultural characteristics expressed through typical literary works. Based on the Vietnamese character system of the southwestern region determined by Tran Ngoc Them by the theory of artistic type, the article examines the expression of this cultural personality type through the work "Huong rung Ca Mau" by Son Nam. The research results show that this literary work has reflected in great detail the key cultural characteristics of people in the South West region: the harmony with the river, the respect for magnanimity, the directness, the tolerance, the practicality, the openness. This research contributes to further suggesting the analysis of literary works in the interdisciplinary direction, especially with the Culturology.

1. Giới thiệu

“Hương rừng Cà Mau” được xem là bộ tác phẩm văn học - văn hoá điển hình trong sự nghiệp sáng tác của nhà văn Sơn Nam. Tác phẩm đã được nghiên cứu từ nhiều góc độ như phê bình sinh thái, diễn biến tâm lí nhân vật, diễn ngôn, phương ngữ... Việc nhìn nhận giá trị văn hoá từ tác phẩm này cũng đã được đề cập từ lâu, nhưng nhìn chung, việc nhìn nhận tác phẩm văn học từ góc nhìn văn hoá này phần lớn còn mang tính rời rạc, chưa mang tính hệ thống chặt chẽ. Bài viết này đi từ lí thuyết loại hình văn hoá để chỉ ra những tính cách văn hoá điển hình của người Tây Nam Bộ, từ đó góp phần khẳng định lại những đóng góp của nhà văn Sơn Nam cả trong sự nghiệp sáng tác văn chương lẫn trong hành trình quảng bá văn hoá vùng sông nước Tây Nam Bộ.

2. Cơ sở khoa học và phương pháp nghiên cứu

2.1. *Mối quan hệ giữa tính cách văn hoá và kiểu văn học*

Kiểu văn hoá và kiểu văn học: Các sự vật hiện tượng trong thế giới đều rất đa dạng, phức tạp. Tuy nhiên, mỗi sự vật, hiện tượng đơn lẻ ấy đều có thể tìm thấy những điểm tương đồng từ những sự vật, hiện tượng khác. Từ những sự tương đồng này, chúng ta có thể quy ra các loại, các ngành, các họ, các nhóm hay các kiểu. Đối với các nền văn hoá cũng như các nền văn học trên thế giới, chúng ta cũng đều có thể phân loại chúng. Kết quả của sự phân loại ấy chính là sự hiện tồn của các loại hình văn hoá và các loại hình văn học. Ví dụ như, chúng ta có loại hình văn hoá phương Đông và phương Tây (theo phương vị), văn hoá truyền thống và văn hoá hiện đại (theo thời gian), văn hoá trọng động hay trọng dương và văn hoá trọng tĩnh hay trọng âm (theo tính chất của hoạt động). Theo Trần Ngọc Thêm (2004), trên thế giới có ba loại hình văn hoá tiêu biểu: Loại hình văn hoá trọng âm (tiêu biểu là khu vực Đông Nam Á), loại hình văn hoá trọng dương (tiêu biểu là phương Tây) và loại hình văn hoá trung gian (tiêu biểu là khu vực Đông Bắc Á). Tương tự, chúng ta cũng có loại hình văn học phương Đông và văn học phương Tây (theo phương vị), loại hình văn học cổ điển và loại hình văn học hiện đại/đương đại (theo thời gian)...

Tuy nhiên, trong cùng một loại hình, chúng ta lại có thể tiếp tục phân chia để hình thành nên các tiểu loại, ở đây, chúng tôi tạm gọi là các “kiểu”. Ví dụ như, cùng là những đất nước thuộc châu Á (phương Đông), nhưng các nền *văn hoá điển hình* ở nơi đây lại mang sắc thái riêng, có thể được định dạng thành các kiểu khác nhau: Văn hoá sa mạc (vùng Trung Đông, Tây Á), văn hoá tâm linh (Ấn Độ), văn hoá thần quyền (Nhật Bản), văn hoá vương quyền – thế tục (Trung Quốc), văn hoá trọng tình (Việt Nam)... Tương tự, chúng ta có các kiểu văn học tương ứng như sau: Văn học ẩn ức sa mạc (đại diện là văn học Arab, Ba Tư), văn học tâm linh (đại diện là văn học Ấn Độ), văn học thần quyền – ngôn linh (đại diện là Nhật Bản), văn học thế tục (đại diện là Trung Quốc), văn học trọng tình (Việt Nam và những nền văn học Đông Nam Á).

Kiểu tính cách văn hoá: Tính cách là khái niệm dùng để chỉ những đặc trưng trong cách nhận thức, tổ chức, ứng xử (thể hiện qua bằng hành động) của một đối tượng người cụ thể. Đối tượng người này có thể là một người (mang tư cách là thành viên chính thức của xã hội) và cũng có thể là nhiều người (nhóm người, cộng đồng). Thế nhưng, do mang tính cộng đồng xã hội nên tính cách của một người, cá nhân nào đó cũng chính là sản phẩm được hình thành từ tính cách của cộng đồng đó, cho nên khi nói đến tính cách, người ta thường nghĩ đến tính cách chung của một cộng đồng mà không phải là tính cách riêng của từng cá nhân (ngoại trừ những cá nhân có những nét tính cách khác cộng đồng, tuy nhiên, trường hợp này được xem là lập dị và rất dễ bị cộng đồng cô lập). Trên thực tế, tính cách của cộng đồng chính là “tính cách tập thể”. Và vì tính cách tập thể ấy là sản phẩm của một cộng đồng người cụ thể, cho nên nó mang những giá trị văn hoá nhất định, tức là, *tính cách cộng đồng cũng chính là tính cách văn hoá*. Xét về tính cách văn hoá, vì mỗi nền văn hoá đều được xây dựng bởi một cộng đồng người trong một không gian và một chuỗi thời gian cụ thể (bối cảnh đặc hữu), nên những phương thức nhận thức, tổ chức và ứng xử (thông qua hành động) của họ sẽ mang đặc trưng riêng. Chính vì điều này mà tính cách văn hoá cũng được phân loại thành những loại hình, những nhóm tính cách khác nhau, ví dụ loại hình tính cách dương ở phương Tây và loại hình tính cách âm ở phương Đông. Cùng một loại hình văn hoá, với những sự khác biệt về mặt điều kiện tự nhiên, con người và lịch sử phát triển mà mỗi cộng đồng dân tộc lại có những kiểu tính cách văn hoá khác nhau, ví dụ như trong khi người Trung Quốc có kiểu tính cách văn hoá là *bành trướng* thì người Ấn Độ lại có kiểu tính cách văn hoá là *chuwong hoà bình, trọng đời sống tâm linh*, còn người Nhật lại có kiểu tính cách là *lập khuôn hoá* tất cả những chuẩn tắc của cuộc sống thành các đạo...

Vị trí của kiểu văn học và kiểu tính cách văn hoá trong văn hoá: Tuy đều là những thành tố của văn hoá, nhưng kiểu văn học và kiểu tính cách văn hoá lại không đồng đẳng với nhau. Kiểu văn học là một chùm đặc trưng về nghệ thuật ngôn từ trong văn hoá tổ chức đời sống cá nhân của con người, nó ngang hàng với các thành tố nội bộ khác (tín ngưỡng, phong tục, các loại hình nghệ thuật...) hoặc ngang hàng với các thành tố ngoại bộ của nó (như ăn uống, mặc, đi lại, cư trú...). Trong khi đó, kiểu tính cách văn hoá lại là một chùm đặc trưng về tính cách con người trong một nền văn hoá. Tức là, kiểu tính cách văn hoá là một *siêu thành tố*, nó bao trùm lên tất cả các thành tố văn hoá khác, từ văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức cho đến văn hoá ứng xử của những thành viên trong cộng đồng văn hoá ấy (theo cấu trúc văn hoá ba thành tố do Trần Ngọc Thêm (2004) xác định).

Tuy không ngang hàng nhau, nhưng cả hai đều quan hệ rất chặt chẽ với nhau, đặc biệt do văn học chính là hình thức truyền tải nhận thức một cách chi tiết nhất và rõ ràng nhất trong các loại hình nghệ thuật, nên có thể thông qua kiểu văn học mà thấy được kiểu tính cách văn hoá và ngược lại. Một khi kiểu văn hoá (cụ thể là kiểu tính cách văn hoá) bị thay đổi thì kiểu văn học cũng sẽ bị thay đổi theo. Ví dụ như, sự thay đổi từ kiểu văn học Bắc Bộ sang kiểu văn học Nam Bộ và sự thay đổi từ kiểu văn học “văn dĩ tải đạo” thời trung - cận đại sang kiểu văn học Tây hoá thời cận - hiện đại ở Việt Nam

chính là hệ quả của sự chuyển đổi tính cách văn hoá từ tính cách tiểu nông sang tính cách tiểu thương và sự chuyển đổi từ kiểu tính cách văn hoá thiên về hình thức sang kiểu tính cách thiên về nội dung. Trong *Mối quan hệ giữa văn hoá và văn học*, Đỗ Thị Minh Thuý (1997) đã chỉ ra hai lần thay đổi kiểu văn hoá (Hán hoá và Tây hoá) đã dẫn đến sự hình thành của hai kiểu văn học: Văn học cổ điển và văn học hiện đại.

2.2. Nguồn dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Nguồn dữ liệu

Son Nam (1926-2008), tên thật là Phạm Minh Tài/Tày, sinh ra ở Kiên Giang, là một nhà văn, nhà báo và cũng là một nhà nghiên cứu văn hoá nổi tiếng ở Nam Bộ. Ông bắt đầu cho in sách từ năm 1958, cho đến năm 2002, tổng số tác phẩm văn học, nghiên cứu văn hoá đã gần 40 đầu sách. Trong đó, “Hương rừng Cà Mau” là tác phẩm văn học được viết trong thời gian khá lâu, tập 1 được xuất bản vào năm 1962, trong khi tập 2 và 3 được Nhà xuất bản Trẻ cho phát hành từ năm 1997. Đây là tác phẩm có tiếng vang mạnh mẽ nhất trong sự nghiệp sáng tác của ông. Với tác phẩm điển hình này, cũng như với sự cống hiến suốt cả đời của một “Ông già Nam Bộ”, Son Nam đã nhận được giải *Mai vàng* vào năm 1999. “Hương rừng Cà Mau” là tác phẩm văn học chủ yếu viết về đất và người Tây Nam Bộ trong những năm đầu thời kì kháng chiến chống Pháp, nhưng nó được đúc kết từ nền tảng kiến thức văn hoá xã hội rất có giá trị mà Son Nam tích lũy được từ những tờ báo viết về Nam Bộ từ những năm tháng Pháp thuộc (như *Lục tỉnh tân văn*), cũng như từ vốn kiến thức mà bản thân ông có được trong quá trình quan sát, nghiên cứu về văn hoá Nam Bộ. Do vậy, “Hương rừng Cà Mau” không chỉ là một tác phẩm văn học thuần túy, mà bản thân nó chính là một bộ sách khảo cứu văn hoá đáng tin cậy. Thông qua tác phẩm này, chúng ta có thể có cái nhìn sống động hơn về đất và người Nam Bộ, đặc biệt là nhận định được kiểu tính cách của người dân Tây Nam Bộ trong quá trình mở mang lãnh thổ về phương Nam và phát triển thịnh vượng cho đến ngày nay.

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành, khảo sát tác phẩm văn học điển hình của vùng Tây Nam Bộ – “Hương rừng Cà Mau” của tác giả Son Nam, bản in năm 2009 của Nhà xuất bản Trẻ, với toàn bộ ba tập truyện ngắn.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên thực tế, việc nghiên cứu tính cách con người Nam Bộ qua bộ ba tập truyện “Hương rừng Cà Mau” của Son Nam đã được thực hiện, nhưng không nhiều. Ví dụ như, trong bài viết về văn hoá và con người Nam Bộ qua “Hương rừng Cà Mau”, Phạm Thị Hồng Đào (2019) đã chỉ ra hai nhóm đặc trưng trong tính cách người nơi đây: (1). Hào hiệp, nghĩa khí, tài trí, mưu mẹo, nghĩa tình, ghét gian trá; (2). Yêu quê hương, đất nước. Tương tự, qua bộ tập truyện này, tác giả Đặng Công (2011) cũng cho rằng Son Nam đã nêu lên được những đặc trưng của người Nam Bộ như sau: Ngay thẳng, có nghĩa có tình; trọng lẽ phải, trọng nghĩa khinh tài, có chí tang bồng; siêng năng, chất phác, hiền lành; phóng khoáng, tự do. Tuy nhiên, những đặc trưng tính cách này cần được xác lập một cách có hệ thống dựa trên một khung lí thuyết khoa học. Hơn nữa, đặc

trung tính cách này cần phải hiểu là đặc trưng tính cách của một cộng đồng mà không phải là đặc trưng tính cách của cá nhân. Do vậy, trong bài viết này, chúng tôi đi từ lí thuyết loại hình văn hoá của Trần Ngọc Thêm để xác định đặc trưng tính cách văn hoá Tây Nam Bộ, từ đó chứng minh rằng, “Hương rừng Cà Mau” là một tác phẩm văn học phản ánh đầy đủ những tính cách văn hoá điển hình của cư dân Tây Nam Bộ.

Từ lí thuyết loại hình văn hoá, Trần Ngọc Thêm (2018) xác định hệ tính cách văn hoá Tây Nam Bộ được hình thành trên ba cơ sở: 1). Hệ tính cách văn hoá Việt truyền thống (do di dân mang đến); 2). Bối cảnh tự nhiên – xã hội Tây Nam Bộ; 3). Ảnh hưởng từ văn hoá phương Tây. Trong bài viết này, chúng tôi triển khai vấn đề về kiểu tính cách văn hoá vùng Tây Nam Bộ cũng chủ yếu theo khung lí thuyết này. Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng phương pháp phân tích và so sánh để làm rõ những đặc trưng tính cách văn hoá được thể hiện qua các tình tiết trong bộ tác phẩm đã chọn khảo sát.

Theo đó, do xuất thân từ một bộ phận người Việt truyền thống sống ở miền Bắc và miền Trung nên cư dân Tây Nam Bộ cũng mang theo những đặc trưng tính cách chung của người Việt: Trọng tình cảm, sống quân bình hài hoà với thiên nhiên và con người, dễ dung hoà với văn hoá đến từ bên ngoài... Trong khi đó, khi đến môi trường sống mới, tuy là gặp nhiều bất trắc trong tự nhiên (như chướng khí, rừng rậm hoang vu, những loài nguy hiểm (rắn, cá sấu, cọp) luôn rình rập, nhưng con người được canh tác trên vùng đất rộng lớn, phù sa màu mỡ, sông đầy tôm cá... nên cuộc sống của lưu dân người Việt cũng phóng khoáng hơn. Về điều kiện xã hội, đây là vùng đất dung nạp nhiều thành phần lưu dân (Khmer, Việt, Hoa, Chăm; trong đó, khối cư dân người Việt đi từ vùng Thuận Quảng vào là thành phần chiếm đa số²) cũng như chịu sự Tây hoá từ Pháp và Mĩ trong hai cuộc kháng chiến nên cư dân Tây Nam Bộ đã tiếp nhận nhiều luồng văn hoá với những kiểu tính cách khác nhau, từ đó tạo nên một bức tranh tính cách thống nhất trong đa dạng ở họ. Từ những điều kiện đó, văn hoá Tây Nam Bộ thể hiện rõ chòm đặc trưng sáu tính cách văn hoá như sau: *Tính thích nghi cao độ với môi trường sông nước* (đây được xem là một đặc trưng cố nhiên), *trọng nghĩa, bộc trực, bao dung, thiết thực, mở thoáng*. Trong khi đó, “Hương rừng Cà Mau” của Sơn Nam là một bộ tác phẩm chủ yếu viết về vùng An Giang, Cà Mau. Do vậy, không chỉ là thói quen sinh hoạt hằng ngày của người Tây Nam Bộ được tái hiện lại một cách sinh động, mà đặc điểm tính cách văn hoá Tây Nam Bộ cũng được lồng ghép một cách tự nhiên, thuyết phục.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tính sông nước

Trong hầu hết các mẫu chuyện trong tập truyện, cuộc đời và diễn biến câu chuyện ở các nhân vật hầu hết đều được kể đi liền với môi trường *sông nước*, đặc biệt là những câu chuyện kể về săn cá sấu, bắt rắn. Vì gắn liền với sông nước, nên con người nơi đây cũng được thể hiện ra với những tập tục, tình cảm, những cách ứng xử xã hội mang đậm hồn sông nước. Ví dụ như, trong câu chuyện *Một cuộc biển dâu*, cha thằng Kim chết

vào mùa nước nổi, không có chỗ chôn, ông bà Hai Tích đã giúp neo quần thi thể vào hai cái nóp, chờ đến mùa nước rút thì mò xương chôn cất. Câu chuyện *Con Bầy đưa đò* lại kể về giọng hò ngọt ngào và cao vút của một người con gái sắc sảo, đa đoan. Câu chuyện *Cây huê xà* lại cho người đọc thấy sự hoà quyện giữa đôi tình nhân Lợi và Lài với môi trường sông nước, cũng như hoà quyện vào những đợt choại, dây bông bong, đám cỏ bồng bồng. Thậm chí, Lợi còn gọi Lài là rắn bông súng, còn Lài gọi Lợi là rắn hổ đất, và trong thế giới sông nước ấy, “chung quanh đây cái gì cũng là rắn như hai đứa mình”. Những câu chuyện này đã phác hoạ hình ảnh của những con người phóng khoáng, cuộc đời phiêu bạt như những dòng nước nổi trôi bất định. Có thể nói, sông nước đã hoà vào con người, để con người dần dần mang dáng hình, tính tình của những dòng sông, con rạch.

3.2. Tính bộc trực

Sống trong khoảng trời đất rộng tứ bề, không có một cánh cổng làng, một lũy thành tre làm dấu hiệu cho sự cách biệt giữa làng này với làng nọ như ở xứ Bắc, con người cũng trở nên cởi mở, thẳng thắn hơn, dần dần, ở con người nơi đây đã định hình nên **tính bộc trực**. Ngoài ra, theo nhận định của Trần Thuận, tính bộc trực này còn được xây dựng từ những con người “xuất thân phiêu bạt, giang hồ... nên có lối sống ‘đọc ngang nào biết trên đầu có ai’” (2014, tr.28). Có thể nói rằng, tính cách này được hình thành từ tính khí vốn có của những con người vốn ít chữ nghĩa, vì kế sinh nhai hoặc vì tù tội mà phải bỏ vùng đất Ngũ Quảng để vào Nam, tính cách này được bồi đắp thêm bởi môi trường sống hoang vu, mệnh mông cũng như lối sống cởi mở của văn hoá phương Tây. Từ đó, lối sống của họ thường mang tính cá nhân cao, nước sông không phạm nước giếng: “Ở vùng U Minh bấy giờ hầu như vô chánh phủ, ai cũng có lá bùa hộ mạng riêng, mỗi người một chiếu riêng. Có kẻ đã hai lần sát nhọn, thả bè vượt ngục từ Côn Đảo. Có kẻ giả bộ cướp rẫy, mặc áo rách nhưng kì thật là một chúa đảng cướp. Lại còn nhiều ông kì lão, con cháu các vị công thần hồi đời Gia Long tẩu quốc thuộc lâu kinh sử, tuy nghèo nhưng ai cũng kính mến vì các ông ăn ở có đức. Trong căn chòi sát mí rừng tràm, cô Tư Hạnh sống độc thân, ngủ trên chiếc giường, thiếu vách che bốn bên nhưng kẻ hảo ngọt nào tới buồng lời ong bướm thì phải biết” (Ăn to nói lớn). Không chỉ vậy, họ thường không xem trọng đối tượng giao tiếp của mình là ai, cốt là thể hiện trọn vẹn chính kiến của mình trong quá trình giao tiếp. Trong câu chuyện *Cái tổ ong*, thằng Thích cãi lại lời của ông Tư và xưng là “tôi”: “Đâu phải tại tôi. Tại chị Hai đó. Hồi sáng, chỉ còn mạnh cùi cùi. Vậy mà chỉ vô mừng năm, đắp mền, không biết đau chứng bệnh gì. Ba hỏi coi!”. Tính bộc trực này biểu hiện ra bằng thái độ thẳng thắn, đôi khi là ngang tàng, những điều này thắm vào trong từng lời ăn tiếng nói, cách ứng xử giữa người với người, bất kể là người quen hay lạ. Do vậy, để biểu đạt ý kiến của mình một cách chính xác, con người nơi đây thường nói thẳng ra suy nghĩ của mình, ví dụ như khi ông Năm Pho nói đùa, ông Chòi Mui đã đánh lại: “Bộ mày muốn xúi tao đánh nó giựt thuốc rê hả? Nghèo, phải ráng chịu. Không bao giờ tao chịu làm chuyện sai với

luong tâm” (Đại chiến với thầy Chà). Vì thẳng thắn, nên mọi người đều mong muốn không bị hiểu lầm, càng không muốn bị mang tiếng là người ích kỉ, tư lợi. Câu chuyện *Bắt sấu rừng U Minh Hạ* là một trong những câu chuyện phác hoạ một cách điển hình về tính thẳng thắn, ghét dối gian của người Tây Nam Bộ. Trong câu chuyện, ông Năm Hên không giấu nghề. Khi dân làng hiếu kì muốn biết xem cách bắt sấu, ông bảo: “*Đi nhiều chộn rộn lắm. Tôi không giấu nghề với bà con đâu. Có Tư Hoạch đi theo coi mà*”. Nhưng cũng có khi, bộc trực quá, chất phác quá lại khiến con người không giữ ý tứ, ví dụ như trong câu chuyện *Cô Út về rừng*: Khi ông bà hương cả Ba hỏi: “- Sao vậy cà? Sao vậy cà? Ở dưới cỡ này ra sao mà thiên hạ để nhiều quá vậy? Khách ngưng nghịu, chập sau mới nói: - Dạ, ở miệt dưới muỗi dữ lắm. Chạng vạng là cả nhà, vợ chồng con cái rúc vô mùng... nói chuyện. Ít ai đi đâu”. Mặt khác, vì thẳng thắn, sống tin tưởng vào người khác nên cũng lắm khi, dân làng dễ dàng bị lừa gạt: “Ông Bác vật X vì tin người mà tiết lộ bí quyết nấu xà bông (*Bác vật xà bông*), người dân thật thà nên bị thầy Quýt gạt tiền công phát cỏ” (*Đóng gông ông thầy Quýt*)...

3.3. Tính bao dung

Không chỉ nổi bật với tính bộc trực, rạch ròi, người Tây Nam Bộ còn có **tính bao dung** cao độ. Vì sống trong môi trường mới đầy rẫy hiểm nguy, nên ngoài tính cá nhân ra (do những người thoát li đất Ngũ Quảng đều là những con người lại ít chữ nghĩa lại chuộng tự do) con người phải nương dựa vào nhau để sống. Do vậy, cư dân nơi đây dễ dàng dung nạp các luồng tư tưởng khác, tôn trọng người khác, dễ dàng tha thứ lỗi lầm của nhau. Hình ảnh Tư Hưng (*Bốn cái ngu*) tất bật xin lỗi bà con vì vợ mình vô ý để heo xông chuồng, quậy phá xóm giềng đã thể hiện được sự bao dung này: “*Bà con ơi! Tôi nhất heo lại rồi. Chắc tại vợ tôi quên... Vợ tôi nó dại dột thì tôi chịu tội*”. Hoặc như, trong câu chuyện *Đảng “Cánh buồm đen”*, nhân vật Sáu Bộ đi học hàng loạt những đạo ở vùng An Giang (đạo Ót, đạo Đất, đạo Năm), sau đó dùng tài của mình để thu phục nhóm cướp Năm Bùn cũng là hình tượng điển hình cho tính bao dung: Tha mạng và bỏ qua lỗi lầm của Năm Bùn, giúp Năm Bùn đi theo con đường hành hiệp trượng nghĩa.

Ở một góc độ khác, bao dung không chỉ là bao dung giữa người với người, mà đây còn là sự bao dung giữa con người với các loài ác thú, rắn dữ. Trong truyện *Sông Gành Hào*, sau khi đã giết chết con sấu đực hung ác, ông Rốp đề nghị giết con sấu còn lại thì Tư Đức đã nói: “*Mình giết một con đủ rồi, giết hết mình có tội với Trời Đất*”, rồi “*tôi ao ước hương chức làng mình cất một cái miếu lá thờ đầu con sấu nọ. Bất luận là sấu hay là cạp, hễ nó hại mình thì mình giết. Hễ giết được rồi, mình nên thờ... để tỏ rằng mình cũng sợ nó nhưng mà cũng... không sợ nó. Phải để cho nó tu tâm dưỡng tánh trong “kiếp sau*”. Tính bao dung này còn khiến cho con người trở nên sống bình đẳng, hòa hậu với người khác, điển hình như ông Bác vật X (*Bác vật xà bông*): “*Hễ ai gặp chào hỏi quá khúm núm, ông can gián: Bà con cứ bình đẳng, đừng nên gọi tôi bằng ông, tôi còn nhỏ tuổi lắm. Cứ gọi tôi bằng dượng Hai. Đất này của bên vợ; vợ tôi thứ hai*”. Đây cũng là tiền đề để cái tôi của mỗi người được phát huy mạnh mẽ, đặc biệt là trong quá trình xác lập vị thế

nam – nữ bình đẳng ở vùng đất mới này. Chính vì vậy, chất mạnh mẽ từ những câu hò ngành trê của cô Bảy khi đối đáp với con trai hương ấp trong *Con Bảy đưa đò* lại trở thành cái hay của những người con gái miền Tây. Trong mối quan hệ chồng và vợ, tuy ngoài mặt là chồng có quyền quyết định nhưng tiếng nói của người vợ cũng có trọng lượng không ít. Thậm chí, trong nhiều trường hợp, người chồng phải hạ mình trước vợ. Như trong câu chuyện *Cô Út về rừng*, ông bà Hương cả Ba tranh lý lẽ về việc gả cô Út về xứ Cảnh Đền, khi đó, ông “*tuy cãi lời bà, trong thâm tâm ông cũng cảm thấy chút gì buồn bực vô lý. “Ông có lý luận đúng, nhưng bà... không lẽ nói sai”*”.

3.4. Tính thoáng mở

Xuất phát từ tính bao dung, người Tây Nam Bộ phần lớn đều là những người sống **thoáng mở**, dễ dàng chấp nhận cái mới, không câu nệ, bảo thủ. Thoáng mở này không chỉ là trong cách sinh hoạt hằng ngày, mà đó còn là trong tiêu chí chọn vợ chồng, hoặc ngay cả trong quan niệm về trinh tiết. Trong *Ruộng lò bom*, Lê mong gả nghĩa với trai giang hồ Tư Cồ, vì Lê nghĩ: “*Chàng ta chẳng hiểu rành dĩ vãng của nàng. Và theo kinh nghiệm cho biết, kẻ giang hồ tứ chiếng ít kén chọn khắt khe trong tình chồng vợ. Họ dễ dãi đối với sự trinh tiết*”. Khi ông Hai Don bắt quả tang con gái có tư tình với Tư Cồ, ông Hai Don cũng không quá thủ cựu: “*Ông Hai Don cau mày. Nếu làm to chuyện thì chẳng ích lợi gì cho ai hết. Chi bằng ông giữ thể diện với Tư Cồ và bắt buộc Tư Cồ giữ thể diện đối với ông. Ông nghĩ ra một giải pháp vẹn toàn: Cho Lê và Tư Cồ ăn ở với nhau, hai đứa nó phải đi làm ăn ở xứ khác. Dân trong xóm sẽ bớt lời dị nghị, thanh danh của ông được bảo vệ một phần lớn*”. Ngay cả trong lời ăn tiếng nói cũng vậy: Vì không quá khắt khe với những gì khác mình, nên việc chêm xen tiếng Trung Quốc, tiếng phương Tây vào lời quê là một việc hết sức bình thường. Ví dụ như, trong *Thằng điểm vô danh*, chủ tiệm đã ghi rõ mấy chữ ở hai bên hông mui tam bản: “Tiền Lợi - Phono - Photo - Sửa đồng hồ” (hai chữ Pháp trong dòng chữ này có nghĩa là sửa máy hát, chụp ảnh). Trong *Tình bầu muốn thôi*, dân Tây Nam Bộ hay nói “*ra câu thai*” để chỉ việc ra câu đố³. Trong *Bà đầm Phô Xi Đông*, từ “à há” còn trở thành từ đệm của những người theo một phương Tây, và thái độ của người nghe lại là cười mở, thú vị: “*Hai tiếng reo mừng “À há” khá đặc biệt khiến chúng tôi ngây ngất. Gái ở miền U Minh đâu biết dùng tiếng ấy. Nếu tôi không lầm, đó là giọng tăng háng vừa nghiêm nghị, vừa hăm dọa, vừa khiêu khích của phụ nữ Tây phương. Cô Ba gieo rắc một hương vị thơm nồng ngoại lai*”.

3.5. Tính thiết thực

Không chỉ vậy, do sống trong môi trường rộng mở, thành phần cư dân thầy là những nhóm người di tán nghèo khó, hoặc là tù tội, hoặc là binh lính (người Khmer từ Lục Chân Lạp xuống, người Việt từ vùng Thuận Quảng vượt qua dải đất hẹp ven biển mà vào, người Hoa từ vùng Hoa Nam lưu vong sang, người Chăm từ các quốc gia khác tị nạn trở về), vì vậy, ngay từ những buổi sinh cơ lập nghiệp ban đầu, người Tây Nam Bộ tuy mong mỏi nhưng vẫn chưa có một sự ổn định vững chắc. Cho nên, cuộc sống

ngay trước mắt với cái ăn cái mặc hằng ngày vẫn là điều quan trọng nhất. **Tính thiết thực** bắt đầu từ đây, đồng thời còn được bồi đắp dần thêm khi tiếp xúc với văn hoá phương Tây vào khoảng cuối thế kỉ XVII trở đi. Do vậy, dân chúng coi trọng những người biết làm ra cái ăn cái mặc mà ghét những người nói suông theo lí thuyết hoặc khoác lác, nói điều. Trong câu chuyện *Cái tổ ong*, ông Tư tuy ngưỡng mộ cậu Minh vì chàng ta có ăn học, nhưng cũng chán ngán vì cái thói nói chuyện trên trời dưới đất mà không thấy có ích lợi gì. Tính thiết thực này đã khiến cho người Tây Nam Bộ thích đơn giản hoá vấn đề, thích những cái gì đơn giản, tiện dụng hơn là những thứ khuôn phép, phức tạp. Ông Chòi Mui trong câu chuyện *Đại chiến với thầy Chà* chính là nhân vật điển hình cho tính khí ấy. Khi thấy nước mưa dột vào nhà thì “*Mây dột vô nhà tao thì tao ra sau bếp lấy cái tô hứng mây, để dành uống chơi! Khỏi mắc công ra sau hè múc*”. Khi nhắm chừng không thể dùng sức mạnh để trị tội thầy Chà, ông Chòi Mui bèn dùng kế sách hết sức đơn giản nhưng hiệu quả cao: Dùng nắp thùng thiếc khoét lỗ làm thành dạng ống hôm, nhân lúc thầy Chà không đề phòng mà chụp nắp thiếc vào đầu. Nhưng cũng xuất phát từ tinh thần chuộng cái đơn giản, xem trọng cái ăn cái mặc ngay trước mắt mà người Tây Nam Bộ hay có thói tạm bợ, ít khi tính mưu kế lâu dài. Đồng thời, khi có cái ăn cái mặc, con người nơi đây lại trở nên hào phóng đến mức lãng phí. Trong câu chuyện *Cao khi U Minh*, cách ăn cá sặc được giới thiệu ở đây là “mỗi con ăn hai đũa”: “*Ta cứ cầm đũa, giẻ một bên, đưa vào miệng rồi thì trở con cá, giẻ thêm đũa nữa, giẻ xong, cứ quăng cái xương cá... Tôi ngậm ngùi nhìn đống xương cá vun lên khá cao, nếu rĩa cho kĩ, trong đống xương đó còn dính chừng một kí lô cá*” hoặc trong *Đảng xăm mình*, cách ăn phải là “*Cá lóc Xèo Quao ngon lắm, ngốn một miếng cho biết mùi. Ăn lớn miếng mới biết ngon*”. Trong câu chuyện *Anh hùng rom*, tinh thần “ăn chơi xả láng sáng về sớm” đã được phản ánh khá rõ: “*Ruộng đất quá phì nhiêu, chẳng cần bón phân, mỗi công đất (1.000 thước vuông) thu hoạch hơn 20 gạ. Qua tháng Mười một, mần mùa gặt, dân chúng còn hưởng thêm mùa dưa hấu trồng ngay trên ruộng. Nếu trúng mùa dưa thì rõ ràng là vốn một lời mười. Họ tha hồ ăn xài suốt tháng Giêng cờ bạc, đờn ca vọng cổ lai rai đến lúc tháng Ba, sa mưa*”. Cũng vì trọng thực tế, nhiều người Tây Nam Bộ còn nâng nó lên thành **thói thực dụng**: Giáo Trích và Tư Hạnh tham tiền của Pháp nên suýt bị hại thân (*Ăn to xài lớn*); trong *Ruộng lò bom*, Lê thích tên Tư Cồ là vì cho rằng Tư Cồ có tài không lo chết đói, mà cái tài này chỉ là theo lời nói từ phía Tư Cồ: “*Người làm mướn sung sướng trăm bề: Không lo xa, có nhà ở, cơm ăn. Khi chán ông chủ này thì mình giựt nợ, làm tôi tớ cho ông chủ khác*”; trong câu chuyện *Con rắn ri voi*, để kiếm nhiều tiền lời từ việc bán da rắn, “*Sáu Kiến dùng bom xe để bom vào bụng rắn ri voi cho căng da, giúp bề ngang của da rộng hơn 3 tấc nhằm để bán có lời*”.

3.6. Tính trọng nghĩa

Tuy vậy, do xuất thân từ những con người không thể ở lại vùng cổ thổ, phải lưu tán trong cảnh màn trời chiếu đất, luôn phải đối mặt những vật rừng thiêng nước độc với cá sấu, rắn, cạp chực chờ, con người nơi đây lại bỏ qua tất cả những dị biệt mà đoàn kết

với nhau, sống bằng nghị lực và bằng tình cảm thật sự. Đó chính là cơ sở quan trọng để hình thành **tinh thần trọng nghĩa** của người Tây Nam Bộ. Có thể nói rằng, nổi bật hơn tất cả những nét tính cách còn lại, tính trọng nghĩa khí chính là sợi dây chỉ đạo xuyên suốt các mối quan hệ từ trong gia đình ra ngoài xã hội, từ người quen cho đến người xa lạ. Do vậy, nếu *Truyện Kiều* của Nguyễn Du được cư dân xứ Bắc yêu mến vì tinh thần *Nhân Lễ* thì *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu được nhân dân khắp cõi Nam Kỳ ca ngợi là vì câu chuyện ấy thấm đẫm tinh thần *Nhân Nghĩa* (với các hành động của Lục Vân Tiên, của ông quán, của ông Ngư, của Hớn Minh, Tử Trục...). Trong các câu chuyện kể của Sơn Nam qua bộ truyện “Hương rừng Cà Mau”, tinh thần trọng nghĩa thể hiện vô cùng sâu sắc.

Trong đó, một hành hiệp trọng nghĩa mang hơi hướng li kì thỉnh thoảng cũng được nhắc đến. Vốn là những người yêu thích truyện Trung Quốc, những con người chân chất vùng Tây Nam Bộ cũng nhiều lần hoá thân thành những người có tài độn thổ, tàng hình để cứu giúp những người lỡ vận, bị bức hiếp. Trong câu chuyện *Bà vợ thứ mười*, vì cảm thông nỗi khổ của thằng Nậu mà Hai Tước quyết chí giúp thằng Nậu lấy lại tờ giấy nợ từ tay bà cai tổng: “*Dòng máu ‘nghĩa hiệp anh hùng’ dường như bắt đầu hâm nóng trong huyết quản ông Hai Tước. Ông muốn thí nghiệm một lần chót để cứu giúp thằng Nậu*”. Để giữ uy tín của những người chân chính, Năm Tiết trong *Xuất quỷ nhập thần* đã dùng mưu mẹo để vừa giúp hương quản được tôn vinh cái tài, còn bản thân mình thì được tôn trọng cái phép. Ngoài ra, trong bộ truyện còn có một cách sống vì người khác. Trong *Bốn cái ngu*, ông Hai Kiềm là người luôn nghĩ cho người khác, giúp cho Tư Hưng lấy được vợ mà bản thân lại lãnh nợ: “*Ông Hai Kiềm xụ mặt, tưởng tượng đến những hậu quả tai hại mà ông gánh lấy. Chính ông đã làm mai mối cho Tư Hưng cưới vợ. Bên gái đòi một đôi bông búp, hai chiếc vòng đúng một lượng vàng. Vì muốn tác hợp cho hai trẻ là người đứng nên ông Hai Kiềm vẫn làm gan lãnh nợ, vay giùm cho gia đình Tư Hưng số tiền khá to. Chủ nợ hỏi: ‘Rồi làm sao vợ chồng nó đủ sức trả?’. Ông Hai Kiềm đáp: ‘Vợ chồng nó sẽ nuôi heo nái, bán heo con lần hồi’*”. Hoặc trong *Đại chiến với thầy Chà*, khi thấy thầy Chà là kẻ cơ hội, khinh người Việt và quỵên dụ đàn bà con gái, ông Chòi Mui đã ra tay trừng trị: Dùng nắp thùng thiếc để tròng vào đầu thầy Chà. Ông sống bằng tâm niệm về nghĩa khí như sau: “*Gà ở lối xóm, bà con mình bán cho nhau rẻ nhưt. Ở chợ, gà nhiều nhưng bán mắc. Vì thiếu cái nhân tình. Lối xóm, gà lựa thưa nhưng bán rẻ. Vì nghĩ tình bà con quen thuộc, sớm tối có nhau, lúc hoạn nạn sung sướng. Ở đời, anh với tôi đây, đều phải có nhân tình... Tứ hải giai huynh đệ là vậy đó*”. Trong *Một cuộc biển dâu*, ông bà Hai Tích tuy không quen biết gì cha con thằng Kim, nhưng khi thấy người gặp khó khăn thì hết lòng giúp sức, không tiếc của cải...

Nhưng cảm động hơn, cái nghĩa khí của những con người chân chất nơi đây thường được thể hiện sâu sắc qua các câu chuyện kể về những người giết cá sấu để trừ hại cho dân chúng. Ông Năm Hên (*Bắt sấu rừng U Minh Hạ*) vì “*Ta thương ta tiếc, Lập đàn giải oan...*” và “*Nghề bắt sấu có thể làm giàu được ngặt tôi không màng thứ phú*

quói đó”. Cũng là nhân vật Năm Hên, nhưng trong *Con sấu cuối cùng*, ông Năm Hên lại là người mang nhiều thiệt thòi do vốn mang bản tính trọng nghĩa khí, xem tiền tài như phù hoa, mặc cho cai tổng Hy hiểu nhằm là ông tham hai lượng vàng. Sau khi giết được cá sấu hại người thì ông cũng bỏ đi và bảo “*Nhấn với ông cai tổng: cứ cụng com trên bàn thờ, vì người chết đã ngậm cười*”. Trong *Sông Gành Hào*, cha con chú Tư giết cá sấu trừ hại cho dân, khiến ông kiểm lâm Rốp muốn khen tặng, nhưng chú Tư là người sống bằng nghĩa khí: “*Vì đất nước chó đâu phải vì danh vì lợi. Sách có chữ: ‘Kiến nghĩa bất vi vô đồng giả, lâm nguy bất cứu mạc anh hùng’*. Công việc của tôi đã làm tròn. Tôi ao ước hương chức làng mình cất một cái miếu lá, thờ cái đầu con sấu nọ. Bất luận là sấu hay cạp, hễ nó hại mình thì mình giết. Hễ giết được rồi, mình nên thờ...”

Không chỉ mang nghĩa khí đối đãi với người trong cùng xóm làng, mà ở một số câu chuyện khác, tinh thần trọng nghĩa này đã bùng phát lên thành tình yêu nước thương dân, mong muốn xả thân để giết Tây, giữ gìn đất nước. Trên báo *Văn nghệ*, Nguyễn Thanh nhận định rằng Sơn Nam đã khẳng định tinh thần chiến đấu anh hùng để bảo vệ quê hương của người dân, từ đó gián tiếp phản ánh lòng căm thù giặc ngoại xâm sâu sắc (Nguyễn Thanh, 2016). Trong *Con ngựa đất*, tuy ông Hương cả được con gái cho hay tin Tây về, nhấn ông là phải đi tản cư, ở lại sẽ mang tiếng bán nước thì ông không đồng ý. Biết là Tây sẽ đến nhưng ông không chạy đi, mà viết “Việt Nam Độc lập” trên vách tường để thể hiện mình không bao giờ phản bội với đất nước. Câu chuyện *Ngày mưa đầu mùa* kể về thái độ ông Tư quyết liệt không theo Tây: “*Nghe đâu ông phó tham biện nài nỉ, mời làm đại hương cả, ông Tư cương quyết từ chối, cũng như ông đã xem việc ban ‘huy chương canh nông’ cho ông, hồi ba năm trước, là điều sỉ nhục lớn*”. Những người làm nghề tự do ven biển xăm những dòng chữ Tàu, chữ quốc ngữ lẫn chữ Pháp trong câu chuyện *Đảng xăm mình* tuy nghèo nhưng vẫn luôn giữ một tinh thần “Plutôt la mort que la honte” (Thà chết hơn chịu nhục). Đặc biệt, trong câu chuyện *Đảng “Cánh buồm đen”*, tinh thần yêu nước được thể hiện rõ ràng hơn cả. Ngay cả đến ông đạo, mỗi thù giặc Tây vẫn đeo đuổi trên bước đường tu đạo. Ông đạo khuyên Sáu Bộ giết Tây như tấm gương Nguyễn Trung Trực: “*Hỡi ơi! Dừng tướng đã rơi đầu mà lời vàng ngọc nọ mãi rền vang trong lòng người, khắp non cao biển rộng... Chặt đầu Tây! Chặt đầu Tây!*”. Sau khi lĩnh hội tinh thần này, Sáu Bộ đã thống nhất đảng Cánh buồm đen, làm nhiều việc nghĩa cho dân chúng. Về già, ông truyền dạy đường quyền Lưu Thủy cho thanh niên để đánh lại giặc Pháp.

4. Kết luận

“Hương rừng Cà Mau” là một bộ truyện ngắn đặc sắc nhất trong sự nghiệp sáng tác văn chương của Sơn Nam. Trong ba tập của bộ truyện ngắn này, hình dáng của một “Ông già Nam Bộ” luôn được khắc họa ngầm ẩn từ những nhân vật khẳng khái trước thời cuộc, những con người nghèo khó nhưng biết quên mình lo cho an nguy của dân lành, những kẻ giang hồ tứ chiếng nhưng coi trọng chữ tín, coi trọng tình người. Với vốn kiến thức uyên

bác, Sơn Nam không chỉ phác hoạ lại một cách sinh động về bức tranh văn hoá dân gian vùng sông nước Tây Nam Bộ, mà thông qua đó, tác giả còn lồng ghép những đặc trưng tính cách văn hoá của cộng đồng cư dân nơi đây. Những đặc trưng tính cách này được hoà quyện từ nguồn gốc lưu dân tứ chiếng giang hồ, từ môi trường sống tuy đầy rẫy hiểm nguy nhưng cũng trù phú tốt tươi, từ quá trình tiếp nhận văn hoá phương Tây ngay từ những năm tháng bắt đầu định hình và phát triển một cộng đồng văn hoá vùng cực Nam của đất nước. Những nét đặc trưng tính cách ấy lâu dần trở thành nếp, trở thành kiểu tính cách văn hoá của một vùng độc lập: Vùng văn hoá Tây Nam Bộ.

Theo đó, khi nhắc đến kiểu tính cách văn hoá Tây Nam Bộ, chúng ta sẽ nghĩ ngay đến một chùm đặc trưng tính cách văn hoá như sau: *Tính thích nghi cao độ với môi trường sông nước, trọng nghĩa, bộc trực, bao dung, thiết thực, mở thoáng*. Những đặc trưng này đều được truyền tải đậm nét qua những câu chuyện trong “Hương rừng Cà Mau”. Ngày nay, những đặc trưng tính cách văn hoá này có đậm nhạt, mạnh yếu khác nhau ở mỗi người, mỗi lúc, mỗi nơi ở vùng Tây Nam Bộ, nhưng nó vẫn luôn ngấm chảy trong tổng thể tính cách chung của con người nơi đây, đủ để tạo nên sắc thái khác biệt giữa con người miền cực Tây với những người sống ở các vùng miền khác, thậm chí là khi so sánh với con người vùng Đông Nam Bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đặng Công (2011). *Đất và người Nam Bộ qua “Hương rừng Cà Mau” của nhà văn Sơn Nam*. <http://dangcongvn.blogspot.com/2011/06/dat-va-nguoi-nam-bo-qua-huong-rung-ca-mau.html>
- [2] Đỗ Thị Minh Thuý (1997). *Mối quan hệ giữa văn hoá và văn học*. NXB Văn hóa – Thông tin.
- [3] Nguyễn Thanh (2016). *Nhà văn Sơn Nam - Ấn tượng của tình đất, tình người*. VanVN.net. <http://vanvn.net/tu-doi-vao-van/nha-van-son-nam-an-tuong-cua-tinh-dat-tinh-nguoi/891>.
- [4] Phạm Thị Hồng Đào (2019). *Văn hóa và con người Nam Bộ qua tập truyện “Hương rừng Cà Mau” của Sơn Nam*. Trường THPT Nguyễn Thông. <http://c3nguyenthong.vinhlong.edu.vn/tin-tuc-su-kien/hoat-dong-chuyen-mon/van-hoa-va-con-nguoi-nam-bo-qua-tap-truyen-huong-rung-ca-mau.html>
- [5] Trần Ngọc Thêm (2004). *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam (Xuất bản lần thứ 2)*. NXB Tổng hợp.
- [6] Trần Ngọc Thêm (2018). *Văn hoá người Việt vùng Tây Nam Bộ (Xuất bản lần thứ 2)*. NXB Văn nghệ.
- [7] Trần Thuận (2014). *Nam Bộ: Vài nét lịch sử - văn hoá*. NXB Văn hoá - Văn nghệ.
- [1] Sơn Nam (2009). *Hương rừng Cà Mau (3 bộ tập truyện ngắn)*. NXB Trẻ.